

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2019/HS-ST

Ngày: 21- 8 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hải Thương và Bà Nguyễn Thị Loan

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 103/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị N, sinh năm 1982 tại Hà Tĩnh, nơi cư trú tổ 9, khu phố 02, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1939; bị cáo có chồng là Lai Phát H, sinh năm 1959 (chưa đăng ký kết hôn) và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại “có mặt”.

2. Lai Phát H, sinh năm 1959 tại Bình Dương; nơi cư trú ấp 02, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay tổ 9, khu phố 02, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 03/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lai L (đã chết) và bà Mai Thị G (đã chết); bị cáo có vợ là Lê Thị L (đã ly hôn), hiện sống chung như vợ chồng với Lê Thị N, sinh năm 1982 (chưa đăng ký kết hôn) và có 06 người con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Tri B, sinh năm 1984; nơi cư trú khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Anh Lê Thê A, sinh năm 1981; nơi cư trú khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Người làm chứng:

Anh Võ Văn S, sinh năm 1954; nơi cư trú khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 25/02/2019, Lai Phát H đang ở quầy vé số tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước thì có Lê Văn N, Võ Văn S và một số người chưa rõ nhân thân, lai lịch đến ghi số đề theo kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc. Sau khi ghi xong, H gọi điện thoại về đọc cho vợ là Lê Thị N tổng hợp gửi lại cho người chơi để xác nhận và gửi cho L (không rõ nhân thân, lai lịch) để giao phôi đề. Ngoài ra, N ở nhà cũng ghi số đề cho một số người chưa rõ nhân thân, lai lịch theo kết quả xổ số Miền Bắc ngày 25/02/2019 rồi sử dụng số điện thoại 0357.677.163 để tổng hợp gửi cho người chơi để xác nhận và gửi cho Long để giao phôi đề. Đến 18 giờ 40 phút ngày 25/02/2019, khi N và H vừa ăn cơm vừa tổng hợp phôi đề theo kết quả xổ số miền Bắc ngày 25/02/2019 thì đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố Đ kết hợp với Công an phường T, thành phố Đ kiểm tra hành chính tại nhà của N và H tại phường T, thành phố Đ phát hiện nên tiến hành lập biên bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra xác định: Cuối năm 2016, Lê Thị N mở đại lý vé số để kinh doanh vé số tự chọn cho Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Bình Phước. Đầu năm 2018, trong quá trình ghi vé số tự chọn thấy có nhiều người có nhu cầu ghi số đề theo kết quả xổ số Miền Bắc, đồng thời lúc này N biết một người tên L (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có nhận thầu đề nên N bàn với chồng là Lai Phát H ghi số đề giao cho L để hưởng tiền hoa hồng. Hàng ngày, N ở nhà nếu có người nào ghi số đề thì sử dụng điện thoại số 0357.677.163 tổng hợp gửi cho người chơi để xác nhận còn H ở đại lý vé số, nếu ai có nhu cầu ghi số đề thì H sử dụng số điện thoại 0342.947.683 gọi về số điện thoại của N là 0968.471.446 rồi N sử dụng điện thoại số 0357.677.163 tổng hợp gửi cho người chơi để xác nhận. Sau khi tổng hợp phôi đề thì N gửi tin nhắn cho L để giao phôi. Sau khi thanh toán tiền xong, N sẽ xóa tin nhắn để tránh bị phát hiện. L trực tiếp thanh toán tiền thắng thua với N, N thanh toán lại cho người chơi.

Giữa N, H và L thỏa thuận với nhau về cách tính tiền để hưởng hoa hồng như sau:

+ H và N nhận của người chơi như sau: Chơi số đầu số đuôi, xỉu chủ thì cứ chơi 5.000 đồng thì được bớt 1.000 đồng, chơi dưới 5.000 đồng thì chơi bao nhiêu tính tiền bấy nhiêu và tùy từng người chơi có thể bớt thêm 1.000 đồng; chơi bao lô 02 số chơi 1.000 đồng thì lấy 21.000 đồng; chơi bao lô 03 số chơi 1.000 đồng thì lấy 19.000 đồng; chơi bao lô 04 số chơi 1.000 đồng thì lấy 17.000 đồng; chơi số đá chơi 1.000 đồng thì lấy 44.000 đồng.

+ H nhận của người chơi như sau: Chơi số đầu số đuôi, xiu chủ thì cứ chơi 5.000 đồng thì được bớt 1.000 đồng, chơi dưới 5.000 đồng thì chơi bao nhiêu tính tiền bấy nhiêu và tùy từng người chơi có thể bớt thêm 1.000 đồng; chơi bao lô 02 số chơi 1.000 đồng thì lấy 22.000 đồng; chơi bao lô 03 số chơi 1.000 đồng thì lấy 19.000 đồng; chơi bao lô 04 số chơi 1.000 đồng thì lấy 17.000 đồng; chơi số đá chơi 1.000 đồng thì lấy 44.000 đồng.

+ L sẽ lấy 76% trên tổng số tiền trên phơi mà N gửi cho L.

Cách thức ghi số đề và xác định thắng thua như sau: Căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết của các tỉnh Miền Bắc (mỗi tỉnh một ngày) người chơi đề có thể lựa chọn các cách đánh đề sau: Đánh đầu đuôi, theo kết quả xổ số kiến thiết của các tỉnh phía Nam là đặt tiền cược vào 02 con số tự nhiên của giải tám (gọi là số đầu) và 02 con số tự nhiên cuối cùng của giải đặc biệt (gọi là số đuôi), còn theo kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc thì đặt tiền cược vào 02 con số tự nhiên của giải bảy (có 04 số, gọi là số đầu) và 02 con số tự nhiên cuối cùng của giải đặc biệt (gọi là số đuôi); Đánh bao lô 02 số là đặt tiền cược vào 02 con số tự nhiên của giải bảy và 02 con số tự nhiên cuối cùng từ giải sáu đến giải đặc biệt (có tổng cộng 27 lô). Đánh đầu đuôi và bao lô 02 số có tỷ lệ thắng thua là 1/70 (đặt cược 1.000 đồng thắng được 70.000 đồng); Đánh bao lô 03 số là đặt tiền cược vào 03 con số tự nhiên của giải sáu (có 03 số) và 03 số tự nhiên cuối cùng từ giải năm đến giải đặc biệt (có tổng cộng 23 lô). Đánh số chủ (hay còn gọi là xiu chủ) là đặt tiền cược vào 03 con số tự nhiên của giải sáu và 03 con số tự nhiên cuối cùng của giải đặc biệt. Đánh bao lô 03 số và số chủ có tỷ lệ thắng thua là 1/600 (đặt cược 1.000 đồng thắng 600.000 đồng); Đánh bao lô 04 số là đặt tiền cược vào 04 con số tự nhiên của giải năm và 04 số tự nhiên cuối cùng từ giải tư đến giải đặc biệt (có tổng cộng 21 lô), đánh bao lô 04 số có tỷ lệ thắng thua là 1/4000 (đặt cược 1.000 đồng thắng được 4.000.000 đồng); Đánh số đá là đặt cược vào 02 cặp số tự nhiên của cùng một kết quả xổ số; Đánh số đá có tỷ lệ thắng thua là 1/600 (đặt cược 1.000 đồng thắng 600.000 đồng). Số tiền tham gia đặt cược nhiều hay ít là tùy thuộc vào khả năng của người chơi. Sau khi có kết quả xổ số nếu con số người chơi đặt cược trùng với kết quả xổ số là trúng, còn không trùng là không trúng.

Qua đối chiếu, tính toán xác định số tiền dùng để đánh bạc theo kết quả xổ số miền Bắc ngày 25/02/2019 như sau:

- Đối với Lai Phát H với số tiền là: 10.550.000 đồng.
- Đối với Lê Thị N với số tiền là: 10.158.000 đồng.
- Đối với Lê Văn N với số tiền là: 418.000 đồng.
- Đối với Võ Văn S với số tiền là: 4.400.000 đồng.

Lê Thị N và Lai Phát H khai nhận trước ngày 25/02/2019 thực hiện hành vi đánh bạc nhưng các tin nhắn đã xóa, không xác định được ngày giờ, cách thức, số tiền, người chơi số đề nên chưa đủ cơ sở xử lý. Trong thời gian đánh bạc số tiền thu lợi bất chính của Lê Thị N và Lai Phát H là 3.000.000 đồng.

Trong quá trình bắt quả tang và khám xét khẩn cấp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đ đã thu giữ: 01 thoại Nokia màu đen số sim 0342.947.683; số tiền 9.977.000 đồng; 01 giấy cầm chiếc xe mô tô biển số: 61F1-007.54; 01 điện thoại Iphone 6 màu hồng số sim 0968.471.446; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen số sim 0357.677.163; số tiền 3.200.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 93P2-308.84; 01 cây viết bi hiệu “T” màu đỏ; 01 sổ hộ khẩu; 01 chứng minh nhân dân của Lai Phát H (bản photo); 01 chứng minh nhân dân của Lê Thị N (bản chính); 01 bản photo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đại lý vé số; 01 tờ giấy lịch có nhiều chữ số và số tiền 3.000.000 đồng thu lợi bất chính do bị cáo Lê Thị N giao nộp.

Ngày 18/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng số 29, trả lại: 01 Chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu và 01 xe mô tô biển số 93P2-30884 cho Lê Thị N; 01 giấy cầm xe mô tô biển số 61F-00754 cho ông Võ Văn Sáng.

Tại bản cáo trạng số 101/CT-VKS ngày 25/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố các bị cáo Lê Thị N và Lai Phát H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị N mức án từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lai Phát H mức án từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 8.762.000 đồng; 01 thoại Nokia màu đen số sim 0342.947.683; 01 điện thoại Iphone 6 màu hồng số sim 0968.471.446 và 01 điện thoại Nokia 105 màu đen số sim 0357.677.163;

Trả lại cho bị cáo Lê Thị N số tiền 2.360.000 đồng; 01 bản photo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đại lý vé số; 01 tờ giấy lịch có nhiều chữ số có chữ ký của bị cáo Lê Thị N; trả lại cho bị cáo Lai Phát H số tiền 5.055.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lai Phát H (bản photo);

Tịch thu tiêu hủy 01 cây bút bi hiệu T màu đỏ.

Các bị cáo N và H tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 101/CT-VKS ngày 25/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; phù hợp với kết luận điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ tài sản, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn thu lợi bất chính bằng hình thức ghi số đề nên chiều ngày 25/02/2019 Lai Phát H đã nhận ghi số đề theo kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc cho Lê Văn N, Võ Văn S và một số người khác chưa rõ nhân thân, lai lịch, sau đó gọi điện thoại cho vợ là Lê Thị N tổng hợp gửi lại cho người chơi để xác nhận và gửi cho L (không rõ nhân thân, lai lịch) để giao phối đề. Trên cơ sở kết quả xổ số miền Bắc ra ngày 25/02/2019 thì H đã đánh bạc với số tiền là 10.550.000 đồng, N đánh bạc với số tiền là 10.158.000 đồng.

Căn cứ vào hành vi của các bị cáo Lê Thị N và Lai Phát H thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 20.708.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo là người đã thành niên, khi thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số đề các bị cáo hoàn toàn nhận thức được đó là hành vi phạm tội và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mong muốn có tiền một cách nhanh chóng mà các bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng đến nếp sống văn minh của khu dân cư. Hành vi đó còn là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm chiếm đoạt tài sản để có tiền đánh bạc nên cần xử các bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Do đây là vụ án đồng phạm nên cần phân tích, đánh giá vai trò của từng bị cáo để có cơ sở khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Lê Thị N: Bị cáo là người khởi xướng việc ghi số đề để thu lợi bất chính, ngoài việc trực tiếp nhận ghi số đề, bị cáo còn nhận tổng hợp số đề từ H sau đó giao lại phôi đề cho đối tượng tên L (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để thu lợi bất chính, do đó cần thiết phải có mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Lai Phát H: Bị cáo là người trực tiếp nhận ghi đề sau đó giao lại cho N để cùng N thu lợi bất chính, do đó cũng cần có mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Các bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ như sau: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra các bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội trước đó, do vậy các bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Đối với Võ Văn S là người tham gia đánh bạc nhưng chưa đủ định lượng để khởi tố hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử phạt hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số: 167/2013/NĐ-CP.

Đối với Lê Văn N là người tham gia đánh bạc nhưng hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Đ đang tiếp tục xác minh để có căn cứ xử lý sau.

Đối với số điện thoại 0947112935 của đối tượng tên L. Qua kết quả thu giữ điện tín xác định số điện thoại trên do bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; cư trú tại khu phố T 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, đứng tên chủ thuê bao từ ngày 14/8/2014. Tuy nhiên, qua làm việc bà H cho biết không đăng ký và sử dụng số điện thoại trên nên không đủ căn cứ xử lý.

Đối với các đối tượng C, Đ, ông S, bà S và một số đối tượng chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau.

[8] Về vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo Lai Phát H và Lê Thị N thu lợi bất chính từ hành vi đánh bạc là 8.762.000 đồng và các phương tiện được các bị cáo sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội là 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen số sim 0342.947.683; 01 điện thoại Iphone 6 màu hồng số sim 0968.471.446; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen số sim 0357.677.163;

Cần trả lại cho bị cáo Lê Thị N số tiền 2.360.000 đồng; 01 bản photô giấy chứng đăng ký kinh doanh đại lý vé số; 01 tờ giấy lịch có nhiều chữ số có chữ ký của bị cáo Lê Thị N; trả lại cho bị cáo Lai Phát H số tiền 5.055.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lai Phát H (bản photô) do số tài sản trên là tài sản riêng của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội;

Tịch thu tiêu hủy 01 cây bút bi hiệu T màu đỏ do không còn giá trị sử dụng.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị N và bị cáo Lai Phát H và phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị N 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lai Phát H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Tuyên giao các bị cáo Lai Phát H và Lê Thị N cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục, bị cáo nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê Thị N và bị cáo Lai Phát H do các bị cáo không có thu nhập ổn định.

3. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 8.762.000 đồng; 01 thoại Nokia màu đen số sim 0342.947.683; 01 điện thoại Iphone 6 màu hồng số sim 0968.471.446; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen số sim 0357.677.163;

Trả lại cho bị cáo Lê Thị N số tiền 2.360.000 đồng; 01 bản photô giấy chứng đăng ký kinh doanh đại lý vé số; 01 tờ giấy lịch có nhiều chữ số có chữ ký của bị cáo

Lê Thị N; trả lại cho bị cáo Lai Phát H số tiền 5.055.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lai Phát H (bản phôtô);

Tịch thu tiêu hủy 01 cây bút bi hiệu T màu đỏ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001712, quyền số 0035, ký hiệu D47/2017 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo N và H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An